

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phân cấp thu phí bảo vệ môi trường**  
**đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 173/TTr-STNMT ngày 04 tháng 5 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về việc phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Phân cấp thu phí

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, hoặc thủ tục môi trường tương đương thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản, hoặc thủ tục môi trường tương đương thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường có phát sinh nước thải thuộc đối tượng chịu

phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

## 2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lập Kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản, hoặc thủ tục môi trường tương đương thuộc thẩm quyền xác nhận của UBND huyện, thị xã, thành phố có phát sinh nước thải thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

### **Điều 3.** Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

#### 1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Cục thuế tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Quyết định này.

c) Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

d) Hướng dẫn Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ thu phí theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

#### 2. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố:

a) Phối hợp Phòng Tài chính, Kho bạc Nhà nước các huyện, thị xã, thành phố và Chi cục thuế các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Quyết định này.

c) Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

d) Thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

3. Cục thuế tỉnh, Chi cục thuế các huyện, thị xã, thành phố: Kiểm tra, đôn đốc, quyết toán việc thu, nộp, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

công nghiệp của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố được phân cấp.

4. Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước các huyện, thị xã, thành phố: Hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố mở tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” và định kỳ theo quy định đối chiếu số phí thu được.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2017.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trưởng Ban quản lý khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website Chính phủ; Website tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, KTTH, TT.Công báo - Tin học.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Nung**